

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành các danh mục ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn  
tỉnh Ninh Bình năm 2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;*

*Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-BCT ngày 28/01/2019 của Bộ Công thương ban hành Danh mục cơ khí chế tạo, linh kiện, máy nông nghiệp và sản phẩm phụ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được hỗ trợ đầu tư;*

*Căn cứ Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 317/TTr-SNN ngày 28/12/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này 03 danh mục ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, gồm:

- Danh mục sản phẩm đặc sản lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Ninh Bình năm 2023
- Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản tỉnh Ninh Bình năm 2023.
- Danh mục giống lúa mới, tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023.

*(Chi tiết có các phụ biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, VP3,5.  
Bh\_VP3\_QĐ04

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Song Tùng**

**DANH MỤC**  
**SẢN PHẨM ĐẶC SẢN LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP TỈNH NINH BÌNH NĂM 2023**

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Địa phương</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực trồng trọt</b>		
1	Đào phai Tam Điệp	Thành phố Tam Điệp	
2	Chè Trại Quang Sỏi	Thành phố Tam Điệp	
3	Khoai sọ Yên Quang	Huyện Nho Quan	
4	Na	Huyện Nho Quan, Gia Viễn; Thành phố Tam Điệp;	
5	Hoa cát (hoa cúc, hồng, huệ, lay ơn,...)	Thành phố Ninh Bình Gia Viễn	
6	Hoa cao cấp (Lan, ly,...)	Thành phố Ninh Bình; Huyện Hoa Lư	
7	Nấm ăn	Các huyện, thành phố	
8	Nấm dược liệu (linh chi, đông trùng hạ thảo,...)	Các huyện, thành phố	
9	Cúc dược liệu (cúc chi, sơn kim cúc,...)	Các huyện, thành phố	
10	Trạch tả	Huyện Yên Khánh, Kim Sơn	
11	Sen	Huyện Hoa Lư, Nho Quan; thành phố Tam Điệp	
<b>II.</b>	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi</b>		
1	Lợn địa phương (lợn mường, lợn mán, lợn rừng lai, lợn Táp Ná)	Huyện Nho Quan, Gia Viễn; Thành phố Tam Điệp	
2	Gà Cúc Phương (giống gà ri, ri lai)	Huyện Nho Quan	giống gà ri, ri lai nuôi tại các xã Cúc Phương, Kỳ Phú, Văn Phương, Yên Quang
3	Hươu lấy nhung	Huyện Nho Quan, Gia Viễn; Thành phố Tam Điệp	
4	Vịt trời	Các huyện, thành phố	
5	Vịt biển	Kim Sơn	
6	Nai	Huyện Nho Quan, Gia Viễn; Thành phố Tam Điệp	

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Địa phương</b>	<b>Ghi chú</b>	
7	Cây vòi mốc	Huyện Nho Quan, Gia Viễn; Thành phố Tam Điệp		
8	Cây vòi hương			
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực thủy sản</b>			
1	Cá trắm đen	Huyện Gia Viễn, Nho Quan, Hoa Lư		
2	Cá chuối hoa	Các huyện, thành phố		
3	Ốc nhồi			
4	Cá rô tổng trường	Huyện Hoa Lư		
5	Cá tràu tiến vua			
6	Ếch	Các huyện, thành phố		
9	Chạch châu, chạch sụn	Huyện Yên Khánh, Yên Mô, Hoa Lư, Gia Viễn; thành phố Tam Điệp		
10	Cua xanh	Huyện Kim Sơn		
11	Traoi nuôi lấy ngọc	Huyện Yên Khánh, Hoa Lư		
12	Ba ba	Các huyện, thành phố		
13	Cá vược	Huyện Kim Sơn		
14	Rươi	Huyện Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô		
7	Ngao giống, Hàu giống	Huyện Kim Sơn		
8	Cá vược			
15	Hàu cửa sông			
16	Cá song (cá mú)			
17	Vẹm xanh			
18	Tôm càng xanh			
19	Tôm sú			
20	Cá nâu			
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực lâm nghiệp</b>			
1	Bùi kỳ lão (cây trám)		Nho Quan	
2	Trà hoa vàng	Nho Quan		
3	Mật ong rừng	Nho Quan Gia Viễn, Thành phố Tam Điệp		
4	Mật vẹt	Kim Sơn		

**DANH MỤC****MÁY, THIẾT BỊ PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, BẢO QUẢN, CHẾ BIẾN VÀ TIÊU THỤ NÔNG SẢN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2023****I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

1. Máy cấy lúa
2. Máy bay không người lái phun thuốc BVTV
3. Máy cuộn rơm
4. Máy gieo mạ khay (phục vụ cấy bằng máy)
5. Máy sấy
6. Máy xúc, lật, trộn
7. Máy ép (máy ép củi trấu, mùn cưa; máy ép dầu cám)
8. Máy đóng bịch nấm
9. Máy thu hoạch củ, quả
10. Máy cắt, thu hoạch cỏ dùng trong sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.
11. Máy triết rọt
12. Máy cắt, thu hoạch, sơ chế cây gai xanh, cây dược liệu, cây công nghiệp.
13. Máy lên luống, trồng, bón phân, thu hoạch khoai tây.

**II. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI**

1. Máy ép tách phân gia súc (để xử lý chất thải chăn nuôi)
2. Máy thái, băm cỏ đa năng
3. Máy nghiền thức ăn chăn nuôi.
4. Máy trộn thức ăn chăn nuôi.
5. Máy ép đùn thức ăn chăn nuôi
6. Máy, thiết bị chăn nuôi gà đẻ tự động, máy rửa khay trứng, máy khử trùng trứng, băng tải trứng, thu gom và đóng gói trứng tự động; Máy, thiết bị sưởi ấm và làm mát chuồng trại; Máy dọn vệ sinh chuồng trại; máy xới đệm lót sinh học; Máy phát điện chạy bằng khí sinh học; Máy ấp, nở trứng gia cầm.
7. Máy sấy thức ăn, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi

### **III. LĨNH VỰC THỦY SẢN**

1. Các loại máy, thiết bị thực hiện các hoạt động sản xuất con giống, chế biến thức ăn bổ sung; thiết bị sử dụng năng lượng điện công nghệ mới; tủ bảo quản, thiết bị làm lạnh, thiết bị hấp khử trùng;

2. Các loại máy, thiết bị thực hiện các hoạt động nuôi trồng, thu hoạch, bảo quản, đánh bắt trên tàu cá: Máy phát điện, máy bơm nước, hệ thống quạt nước, hệ thống cấp ôxy đáy dùng trong nuôi trồng thủy sản; máy, thiết bị chế biến thức ăn; máy cho ăn tự động; máy hút, chuyên cá; máy dò cá.

3. Máy, thiết bị xử lý môi trường nước và chất thải trong nuôi trồng thủy sản.

### **IV. DÂY CHUYỀN MÁY, THIẾT BỊ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN**

1. Dây chuyền máy, thiết bị đồng bộ trong sơ chế, bảo quản, chế biến nông sản: Hệ thống/máy sấy nông sản; máy đóng túi đựng nông sản, sản phẩm qua chế biến; Hệ thống máy, thiết bị xay xát lúa gạo; Máy tách màu, máy đánh bóng trong xay xát, chế biến gạo. Máy triết rót, ghép mí tự động đóng hộp để phục vụ dây chuyền chế biến nông sản.

2. Dây chuyền máy, thiết bị đồng bộ từ sản xuất con giống, thức ăn chăn nuôi, trang trại, bảo quản sản phẩm trong chăn nuôi; dây chuyền máy, thiết bị giết mổ tập trung, sơ chế sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản sản phẩm động vật, gồm: máy, thiết bị làm lạnh, cấp đông, tái đông.

3. Máy hạ thủy phân mật ong.

4. Kho, silo (bao gồm cả máy móc, thiết bị) tạm trữ, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.

**DANH MỤC**  
**GIỐNG LÚA MỚI, TIẾN BỘ KỸ THUẬT MỚI TRONG SẢN XUẤT LÚA**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH NĂM 2023**

**I. DANH MỤC GIỐNG LÚA MỚI**

<b>TT</b>	<b>Tên giống lúa</b>	<b>Quyết định công nhận/ Quyết định lưu hành</b>	<b>Công ty sản xuất</b>
1	Nếp hạt cau	Giống cổ truyền địa phương	Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Hồng Quang
2	Hương Bình	125/QĐ-TT-CLT ngày 19/6/2020	
3	Nếp Hương	100/QĐ-TT-CLT ngày 27/5/2020	
4	VAAS16 (J03)	870/QĐ-BNN-TT ngày 12/3/2018	
5	TBR 89	108/QĐ-TT-CLT ngày 29/5/2020	Công ty cổ phần tập đoàn ThaibinhSeed
6	BC15 (có gen kháng đạo ôn)	354/QĐ-TT-CLT ngày 22/11/2022	
7	TBR225 (có gen kháng bạc lá)	202/QĐ-TT-CLT ngày 09/6/2015	
8	VNR20	178/QĐ-TT-CLT ngày 03/9/2020	Công ty cổ phần tập đoàn giống cây trồng Việt Nam
9	Đài Thom 8	1608/QĐ-TT-CLT ngày 10/5/2019	
10	HANA 167	190/QĐ-TT-CLT ngày 08/9/2018	Công ty Cổ phần đầu tư Thương mại và Phát triển nông nghiệp ADI
11	HANA số 7	164/QĐ-TT-CLT ngày 18/8/2020	
12	ND502	69/QĐ-TT-CLT ngày 10/4/2020	Công ty TNHH Nam Dương
13	LP5	4942/QĐ-BNN-TT ngày 24/12/2019	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nam Định

## II. DANH MỤC TIỀN BỘ KỸ THUẬT MỚI TRONG SẢN XUẤT LÚA

### 1. Về phân bón

TT	Tên phân bón	Quyết định công nhận/ Quyết định lưu hành	Công ty sản xuất
1	Quế Lâm 01	707/QĐ-BVTV-PB ngày 27/6/2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Quế Lâm
2	Quế Lâm SH01	2933/QĐ-BVTV-PB ngày 9/3/2020	
3	Quế Lâm SH05	2933/QĐ-BVTV-PB ngày 9/3/2020	
4	Quế Lâm KH 06	2933/QĐ-BVTV-PB ngày 9/3/2020	
5	Quế Lâm KH 08	2933/QĐ-BVTV-PB ngày 9/3/2020	
6	Quế Lâm KH 12	2933/QĐ-BVTV-PB ngày 9/3/2020	
7	Phân lân nung chảy Ninh Bình	3059/QĐ-BVTV-PB ngày 7/12/2017	Công ty cổ phần phân lân Ninh Bình
8	BEST GAP	3234/QĐ-BVTV-PB ngày 09/9/2020	Công ty cổ phần GAP Việt Nam
9	ORG GAP		
10	ONE GAP		
11	Phượng Hoàng HC02	2125/QĐ-BVTV-PB ngày 23/5/2019	Công ty cổ phần Bình Điền – Quảng Trị
12	VSQT 05	2345/QĐ-BVTV-PB ngày 09/8/2019	
13	Sông Gianh HCK-555	0415/QĐ-BVTV-PB ngày 17/4/2018	Tổng công ty Sông Gianh
14	Sông Gianh HCK-646		
15	Sông Gianh HCK-656		
16	Thống nhất Mitraco-HT03	105/QĐ-BVTV-PB ngày 14/4/2021	Công ty cổ phần sản xuất phân bón Thống Nhất



## 2. Thuốc bảo vệ thực vật

TT	Tên thuốc BVTV	Thông tư ban hành	Công ty sản xuất
1	V.K 16 WP	Thông tư số 19/2021/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2021 về Ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam	Công ty CP BVTV I TW
2	Prevathon 5SC		Công ty TNHH FMC Việt Nam
3	Vimatrine 0.6SL		Công ty CP thuốc sát trùng Việt Nam
4	Sakumec 0.5EC		Công ty CP Quốc tế Agritech Hoa Kỳ
5	Sokupi 0.5SL		Công ty TNHH Trường Thịnh
6	Lilacter 0.3SL		Công ty TNHH VTNN Phương Đông

## 3. Chế phẩm sinh học, vi sinh

TT	Tên chế phẩm	Công ty sản xuất
1	Chế phẩm sinh học (Chế phẩm vi sinh SUMITRI)	Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Phương Nam
2	Chế phẩm sinh học (Phân huỷ gốc rạ)	Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ Cao